

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/01/2026
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngư

Ông Hoàng Đức Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Sỹ Cách - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyện- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Xóm N, xã P, tỉnh Thái Nguyên, chỗ ở hiện nay: xóm H, xã Y, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trạc Văn P, sinh năm 1990

Nơi thường trú: Xóm N, xã P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt chị N và anh P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị và anh Trạc Văn P được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2011 tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Y, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại xóm N, xã P, tỉnh Thái Nguyên, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự chăm sóc, chia sẻ về kinh tế, một mình chị phải gánh vác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến ảnh hưởng con cái. Năm 2018 anh P sử dụng ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nên anh P đã sử dụng methadon

nhưng sau đó vẫn tái nghiện, đến tháng 12/2023 anh P vi phạm pháp luật và bị bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” sau đó đi chấp hành án đến tháng 3/2025 về địa phương. Chị cùng gia đình đã khuyên bảo để anh P tu chí làm ăn nhưng không thay đổi nên chị về nhà bố mẹ để ở xóm H, xã Y sinh sống, mới đây anh P lại sử dụng ma túy bị công an phát hiện, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Trạc Văn P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh P có 02 con chung Trạc Nguyễn Hà V, sinh ngày 04/9/2012 và Trạc Khánh T, sinh năm 23/01/2018, hiện cả 02 con chung đang ở với bố mẹ chồng, khi ly hôn chị tôn trọng ý kiến của con, tuy nhiên đề nghị được nuôi cả hai con chung, chị hiện làm lao động tự do, có thu nhập để nuôi con nên không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của anh Trạc Văn P:* Nhất trí trình bày của chị N về thời điểm kết hôn, việc đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh tại xóm N, anh có sử dụng ma túy, vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng diễn ra hết sức bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, anh sống cũng không có trách nhiệm với gia đình, con cái nhưng đó là do anh đi làm công ty nên việc chăm sóc và đưa đón con anh nhờ bố đẻ giúp, khi đi làm có tiền anh cũng hỗ trợ và gửi tiền lương cho chị N chăm con, sau đó anh đi chấp hành án thì không có tiền gửi cho chị N. Sau khi chấp hành án xong, anh cũng đã đi làm nhưng do mẹ anh đi viện nên đã nghỉ để chăm sóc, anh có đi làm một vài công ty nhưng do không phù hợp nên có thay đổi nơi làm việc nên không có tiền gửi cho chị N để chăm sóc con. Khi biết chị N làm đơn ly hôn, anh cũng đã cố gắng nói chuyện mong muốn chị N suy nghĩ cũng như cho anh cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con, nhưng chị N vẫn nhất quyết làm đơn ly hôn, do đó anh không nhất trí giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Về con chung: Anh nhất trí trình bày của chị N về việc vợ chồng có 02 con chung Trạc Nguyễn Hà V, sinh ngày 04/9/2012 và Trạc Khánh T, sinh năm 23/01/2018, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí để chị N nuôi con, vợ chồng thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh P nhất trí trình bày của chị N, xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến trình bày của cháu Trạc Nguyễn Hà V xác định hiện đang học và ăn ở tại Trường N1, cháu Trạc Khánh T xác định hiện đang ở với ông bà nội. Cả hai cháu đều không có nguyện vọng Tòa án hòa giải để bố mẹ đoàn tụ, trường hợp bố mẹ giải quyết ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ do bố thường xuyên đi làm xa không chăm lo cho các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trạc Văn P; Về con chung: Giao cả 02 con chung Trạc Nguyễn Hà V, Trạc Khánh T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P đến khi chị N có yêu cầu, anh P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không giải quyết; nợ chung: Không có; Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: chị N có đơn xin ly hôn anh Trạc Văn P, sinh năm 1990, địa chỉ thường trú: Xóm N, xã P, tỉnh Thái Nguyên đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 4-Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trạc Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã Y, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị N xác định anh P không chăm lo cho gia đình, một mình chị lo gánh vác kinh tế, anh P vi phạm pháp luật dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh P thừa nhận chưa có trách nhiệm với gia đình nhưng do anh đi làm nên có nhờ bố đẻ chăm sóc con, như vậy xác định chị N và anh P trong quá trình chung sống đã có nhiều mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, sống ly thân giữa vợ chồng không có sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng do đó việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng

không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị N được ly hôn với anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trạc Nguyễn Hà V, sinh ngày 04/9/2012 và Trạc Khánh T, sinh năm 23/01/2018 đều chưa đủ 18 tuổi, quá trình giải quyết ly hôn chị N đề nghị được nuôi con, anh P nhất trí để chị N là người nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận phần cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi 02 con, anh P nhất trí, các con đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị N có thu nhập ổn định nên xét điều kiện, hoàn cảnh để chăm sóc, giáo dục con chung, đồng thời để ổn định cuộc sống của con chung nên giao hai con chung là Trạc Nguyễn Hà V và Trạc Khánh T cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ nuôi con cho anh P do chị N không yêu cầu giải quyết

Anh P có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh P xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5.] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6.] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Trạc Văn P

2. Về con chung: Chị N và anh P có 02 (hai) con chung là Trạc Nguyễn Hà V, sinh ngày 04/9/2012 và Trạc Khánh T, sinh ngày 23/01/2018

2.1 Giao 02 (hai) con chung là Trạc Nguyễn Hà V, sinh ngày 04/9/2012 và Trạc Khánh T, sinh năm 23/01/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P cho đến khi chị N có yêu cầu.

2.3 Anh Trạc Văn P có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Giành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự liên quan đến tài sản chung, tài sản riêng khác cho các đương sự, nếu có tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002328 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 4- Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên
(ĐKKH số 73 quyền số 01/2011 do UBND xã Yên Đỗ, H. Phú Lương cấp ngày 21/12/2011);
- Lưu: HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chu Thị Bích Hiền